TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:11/2018/HNGĐ-ST
Ngày 13- 6 - 2018
"*V/v tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuân Lợi.
2. Ông Nguyễn Văn Tạo.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: thôn L, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc A, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: thôn N, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/11/2017, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Ngọc A có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc không được bao lâu thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Vì vậy từ tháng 4/2014 hai vợ chồng đã sống lý thân cho đến nay, không còn gặp gỡ và liên lạc gì.

Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Ngọc A.

2. Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị Phạm Thị T trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng bao gồm Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh Hoàng Ngọc A không chấp hành nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Hoàng Ngọc A.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật, không đến tham gia tố tụng trong suốt giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình:

- Xét xử vụ án vắng mặt anh Hoàng Ngọc A.

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Hoàng Ngọc A

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

- Về quan hệ tài sản: không xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Theo xác định của Uỷ ban nhân dân xã M thì thời điểm chị T làm đơn khởi kiện về việc ly hôn với anh Hoàng Ngọc A thì anh A vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Mặt khác, qua biên bản xác minh ngày 26/3/2018 bố

mẹ đẻ anh A là ông Hoàng Vỹ X và bà Hoàng Thị Hồng T xác định hiện anh A vẫn sinh sống với gia đình tại thôn N, xã M, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho đến nay và các lời khai của chị T là đúng sự thật. Tuy nhiên, vì gia đình có hoàn cảnh khó khăn, anh A đi vào miền nam làm ăn, do công việc công ty không thu xếp nghỉ được nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được, gia đình liên lạc nhưng anh A không cho biết địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ thông qua điện thoại liên lạc về nhà anh A trao đổi yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn ông X bà T là bố mẹ đẻ anh A đã trực tiếp nhận và đã thông báo cho anh A biết nhưng anh A không về tham gia giải quyết. Điều đó chứng tỏ các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ nhưng anh A không chấp hành. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã B căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hoàng Ngọc A.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh A là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẩn. Nguyên nhân do tính tình hai vợ chồng không hợp nhau, không cùng quan điểm sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vả. Tình trạng hôn nhân thực tế hiện các bên đã sống ly thân từ tháng 4/2014 cho đến nay. Sau khi Tòa án tiến hành xác minh tại nhà bố mẹ anh A, thì bố mẹ anh A cho biết thông qua điện thoại liên lạc về anh A đồng ý ly hôn, quá trình chung sống vợ chồng không có con chung và tài sản chung. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh A đã mâu thuẩn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: theo lời khai của nguyên đơn và qua kết quả xác minh tại gia đình của bị đơn xác định vợ chồng chị T và anh A không có tài sản chung, không nợ chung và các bên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: chị Phạm Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Hoàng Ngọc A.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn anh Hoàng Ngọc A.

3. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung nên không xem xét.

4. Về quan hệ tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên không xem xét.

5. Về án phí: chị Phạm Thị T nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị Thìn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002828 ngày 08 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B. Chị Phạm Thị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 13/6/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- VKSND B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn